

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH B**

Bản án số:02 /2018/ HSST

Ngày 08/5/2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Truyền

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Đức Quang

Nghề nghiệp: cán bộ

Công tác tại: Huyện Đoàn huyện P, tỉnh B

2. Bà Triệu Thị Diệp

Nghề nghiệp: cán bộ

Công tác tại: Hội nông dân huyện P, tỉnh B

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bào Kim Vân– cán bộ tòa án nhân dân huyện P

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân P tham gia phiên tòa: Ông Triệu Xuân Trìu- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, Tòa án nhân dân huyện P mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số:02/2018/HSST, ngày 21 tháng 2 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/HSST- QĐ, ngày 27/3/2018 đối với bị cáo:

* Bị cáo Nguyễn Văn L - sinh ngày 18/02/2001, nơi sinh: trạm y tế xã Đ, thành phố B, tỉnh BN; trú tại: thôn Y, xã H, huyện Y, tỉnh BN; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Họ tên cha: Không có và con bà Nguyễn Thị H, vợ, con: chưa; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo hiện nay đang bị tạm giam trong vụ án khác. Có mặt

* Người bào chữa cho bị cáo: Ông Sầm Đức T- trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm pháp lý Nhà nước tỉnh B. có mặt.

* Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Bà Nguyễn Thị H; trú tại: thôn Y, xã H, huyện Y, BN. Vắng mặt (có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt bà H).

* Đại diện hợp pháp của bị cáo do Tòa án chỉ định: Anh Nông Văn B - Phó bí thư đoàn xã B là thành viên của Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã B, huyện P, tỉnh B. có mặt

* Người bị hại: Anh Nông Quốc Đ - trú tại: thôn Đ, xã B, huyện P, tỉnh B. vắng mặt (có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt anh Đ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 14/10/2017, Nguyễn Văn L đi xe khách từ tỉnh Thái Nguyên đi lên huyện P với mục đích trộm cắp tài sản, khoảng 11 giờ cùng ngày, L đi đến xã B, huyện P, tỉnh B và chơi đến khoảng 21 giờ thì L đến thuê phòng nghỉ tại nhà nghỉ Q của ông Nông Quốc Đ tại thôn Đ, xã B, huyện P, tỉnh B để ngủ, L trả tiền phòng là: 150 nghìn đồng cho bà Ma Thị Th là mẹ đẻ của ông Đ lúc này đang trông coi nhà nghỉ. Bà Th nhận tiền và đưa chìa khóa phòng số 202 cho L, L ngủ tại phòng đến khoảng 07 giờ sáng ngày 15/10/2017 thì đi xuống tầng một để trả phòng thì không thấy ai, L quan sát thấy ngoài sân nhà có một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu sơn xanh, BKS 97B1- 575.43, L quan sát thấy trên bàn lễ tân có một chiếc chìa khóa xe mô tô nên đã cầm lấy chiếc chìa khóa rồi đi ra ngoài sân cầm chìa khóa vào ổ điện xe mô tô, khởi động được chiếc xe, L điều khiển xe đi với mục đích đem xuống Thành phố Thái nguyên để tiêu thụ, khi đi đến huyện bb, tỉnh b do thấy công an chốt chặn nên L đã đi vào nhà nghỉ Thanh Tùng tại tiểu khu 7, thị trấn r, huyện BB với mục đích chờ đến chiều tối sẽ tiếp tục điều khiển xe trộm cắp mang đi tiêu thụ, L để xe ở tại sân tầng một và mang chìa khóa theo người. Đến 14 giờ 10 phút -ngày 15/10/2017 thì bị Công an huyện BB bắt quả tang cùng tang vật vụ án.

Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện P đã tiến hành lấy lời khai của bị can, người bị hại, người làm chứng, khám nghiệm hiện trường và yêu cầu định giá tài sản.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 27 - ngày 17/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện P đã kết luận: một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu sơn xanh, BKS 97B1- 575.43 đã qua sử dụng có trị giá: 30.600.000 đ (ba mươi triệu sáu trăm nghìn đồng).

Tại bản cáo trạng số: 02/CT -VKSPN, ngày 13 tháng 02 năm 2018 đã truy tố Nguyễn Văn L về tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội trộm cắp tài sản.

Đề nghị áp dụng khoản 1 điều 138; điểm p khoản 1, 2 điều 46; điều 69; điều 74 của Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét giải quyết.

Bị cáo L phải chịu án phí theo quy định

Tại phiên tòa người bào chữa trình bày về tội danh trộm cắp tài sản, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thống nhất với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát huyện P, về hình phạt đề nghị xem xét mức án thấp nhất đối với bị cáo.

Đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn L và bị cáo tại phiên tòa trình bày về tội trộm cắp tài sản đã truy tố, xét xử là đúng pháp luật, về mức hình phạt đề nghị xem xét bị cáo thuộc trường hợp người chưa thành niên đề nghị được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định của điều tra viên của Cơ quan điều tra Công an huyện P, kiểm sát viên của Viện kiểm sát nhân dân huyện P trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, quá trình điều tra và trong giai đoạn xét xử và tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định pháp luật, người bào chữa, bị cáo không có ý kiến nào khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử liên quan đến giá trị tài sản bị chiếm đoạt Tòa án đã yêu cầu bổ sung các tài liệu liên quan đến việc định giá tài sản, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn L khai nhận việc phạm tội phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có căn cứ khẳng định: Khoảng 07 giờ ngày 15/10/2017 tại nhà nghỉ Q tại thôn Đ, xã B, huyện P, tỉnh B, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của anh Nông Quốc Đ, bị cáo L đã chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu sơn xanh BKS 97B1-575.43 có giá trị: 30.600.000 đ (ba mươi triệu sáu trăm nghìn đồng).

Hội đồng xét xử kết luận: Bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi năm 2009.

Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 điều 46 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo trong giai đoạn điều truy tố đã trốn khỏi địa phương và bị truy nã cho đến ngày ngày 13/2/2018 đến cơ quan chức năng đầu thú được xem xét hưởng tình tiết đầu thú quy định tại khoản 2 điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 và khoản 2 điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015

Xét nhân thân của bị cáo: Bị cáo tại thời điểm phạm tội bị cáo 16 tuổi 07 tháng 27 ngày thuộc trường hợp người chưa thành niên phạm tội được xem xét áp dụng các quy định đối với người chưa thành niên phạm tội quy định tại điều 69, điều 74 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi năm 2009 và điều 91 và điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo ngày 15/9/2017 thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại huyện y và bị cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Y, tỉnh BN khởi tố bị can và bị tạm giam, bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h khoản 1 điều 46 của Bộ luật hình sự.

Hội đồng xét xử thấy bị cáo L ngày 15/9/2017 thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, đến ngày 15/10/2017 tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản, trong quá trình giải quyết vụ án được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tuy nhiên bị cáo trốn khỏi địa phương thể hiện ý thức coi thường pháp luật, đánh giá hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân để đảm bảo việc đấu tranh và phòng chống tội phạm cần thiết áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo Nguyễn Văn L.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Anh Đ đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường về dân sự, về trách nhiệm dân sự không xem xét giải quyết.

[4] Về vật chứng vụ án: Vật chứng vụ án trong giai đoạn điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra đã xử lý theo quy định pháp luật.

[5] Án phí: Bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lý lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội trộm cắp tài sản.

2. Áp dụng khoản 1 điều 138; điểm p khoản 1, 2 điều 46; điều 69; điều 74 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; khoản 2 điều 51; điều 91 và điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn L 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Về án phí: áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội:

Bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm với số tiền: 200.000 đ (hai trăm nghìn đồng).

Bị cáo, Anh Nông Văn B, người bào chữa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại, bà Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- Viện kiểm sát ND tỉnh
- VKS huyện P;
- Công an huyện P;
- Thi hành án huyện P;
- Bị cáo;
- Người bị hại, đại diện hợp pháp bị hại
- người bào chữa ;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Sở tư pháp ;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Hữu Truyền

